

Số: 961 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 533/TTr-TNMT ngày 23/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối” (sau đây gọi là dự án) của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ Thành lập theo Quyết định số 572/QĐ-TNMT ngày 22/6/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Tân Yên; UBND thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên; Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT. Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “TRẠM BIẾN ÁP 220kV LẠNG GIANG
VÀ ĐƯỜNG DÂY ĐÁU NỔI”

*(Kèm theo Quyết định số 961 /QĐ-UBND ngày 30 /8/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi dự án: Dự án được thực hiện trên địa bàn thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, với tổng diện tích sử dụng đất khoảng 4,75ha.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Trạm biến áp 220kV Lạng Giang có quy mô lắp đặt 2 máy biến áp (2 MBA 220/110/22kV-500MVA), giai đoạn này (của dự án) lắp 01 máy biến áp 220/110/22kV-250MVA, diện tích thu hồi 34.901,5m².

+ Đường dây đầu nối 220kV - 2 mạch (dài 0,94km), điểm đầu từ điểm đầu nối G1 dự kiến nằm giữa khoảng trụ 54 - 55 của đường dây 220kV Bắc Giang - Thái Nguyên hiện hữu, điểm kết thúc là cột cổng 220kV trong trạm biến áp 220kV Lạng Giang, diện tích thu hồi móng trụ 1.303m².

+ Đường dây đầu nối 22kV - 1 mạch (dài 600m), điểm đầu từ cột TD1 xây dựng mới nằm giữa khoảng cột 16&17 lộ CX-474 đường dây 22kV hiện hữu, điểm kết thúc là cột TD5 đặt MBA tự dung nằm trong khuôn viên trạm biến áp 220kV Lạng Giang;

+ Đường vào trạm rộng 6m, lề đường mỗi bên rộng 1,5m, nối từ đường nhựa ĐT295 hiện hữu đến cổng trạm biến áp, diện tích thu hồi 11.267 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư, gồm: San nền trạm, đường bê tông, đào đắp móng trụ, lắp dựng cột, kéo dây.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang thì dự án “Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối” có tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án khoảng 4,75ha.

Trong đó, diện tích đất trồng lúa cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng là 4,5ha (theo Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tân Yên).

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Trạm biến áp 220kV Lạng Giang và đường dây đầu nối” thì tổng diện tích sử dụng đất của dự án khoảng 4,75ha (bao gồm đất lúa và hoa màu), trong đó diện tích đất lúa cần thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất khoảng 4,5ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng, phát quang thực vật.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu...

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào, đắp san nền; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu; từ việc sử dụng nhiên liệu cho động cơ đốt trong; từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu; từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ thi công, xịt rửa bánh xe,... và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào đắp các hạng mục công trình; từ hoạt động phát quang thực vật và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Trạm biến áp vận hành tự động, không có người trực, vì vậy không phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng làm phát sinh chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Tác động do nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực.

- Tác động tới môi trường kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông trong quá trình vận hành các dòng xe; rủi ro, sự cố về bão lũ, ngập úng; nguy cơ trượt lở, hư hỏng công trình,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 3,1 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms,...

+ Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động vệ sinh rửa dụng cụ thi công và xịt rửa bánh xe của các phương tiện vận chuyển,... khoảng 1,31 - 1,83 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, TSS...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp san nền; từ quá trình bóc xúc, tập kết nguyên vật liệu; từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm,.... Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 28 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thực vật khoảng 5,9 tấn, với thành phần chủ yếu là sinh khối (như: rơm, rạ, cành cây, lá,...).

- Đất bóc lớp thực vật bề mặt phát sinh khoảng 7.980m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 30-50 kg/ngày, chủ yếu là cát, đá, gạch, vữa thải, đầu mẫu ống nhựa, đầu mẫu sắt thép, bao bì carton, ...

* Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng khoảng 3-5 kg/tháng, chủ yếu là dầu thải; giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải,....

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển vật liệu,....

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế - xã hội khu vực; tác động đến hệ thống giao thông khu vực; tác động đến vùng sản xuất lân cận dự án,...

- Tác động do sự cố bom mìn còn sót lại; sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; các rủi ro, sự cố thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải

Nước mưa chảy trên bề mặt dự án sẽ rửa trôi, cuốn theo các chất bẩn như đất, bụi cát, dầu mỡ bám trên mặt đường, rác (vật liệu rơi, lá cây...) vào đường

thoát nước của dự án, dẫn tới ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước và chất lượng các dòng nước mặt trong khu vực.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của dự án (trạm biến áp) chủ yếu là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ hư hỏng trong quá trình hoạt động, với khối lượng khoảng 30-50kg/năm.

- Trong quá trình kiểm tra và bảo dưỡng trạm và tuyến đường dây đầu nối, chất thải rắn phát sinh chủ yếu giẻ lau sứ (khoảng 10 kg/tháng).

- Dầu cách điện máy biến áp (chỉ phát sinh khi sự cố).

- Chất thải nguy hại khác (như: hộp mực in thải, bóng đèn thải, pin thải, giẻ lau dính dầu, ...) phát sinh khoảng 14-22 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh không đáng kể do quá trình vận hành của máy biến áp và quá trình truyền tải điện trên tuyến đường dây.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội của khu vực;

- Tác động do điện từ trường;

- Tác động do sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố thiên tai; sự cố ngập úng, sạt lở, sụt lún.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Trang bị 02 nhà vệ sinh di động có bể thải dung tích khoảng 1,6m³ để lưu chứa nước thải phát sinh.

+ Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển chất thải từ nhà vệ sinh di động đem đi và xử lý theo quy định (tần suất tối đa khoảng 4-6 tháng/lần hoặc khi bể chứa đầy).

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng được xử lý như sau:

+ Đối với nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ thi công: Bố trí 2 - 3 thùng phuy 200 lít phục vụ vệ sinh dụng cụ, sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, trộn bê tông,... không thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Đối với nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe các phương tiện ra vào công trường: Bể tách dầu 2 ngăn có thể tích 6m³ gồm 2 bể phân ly, mỗi bể phân ly thể tích 3m³ để xử lý nước thải nhiễm dầu mỡ khu vực rửa xe. Lượng nước thải này được lắng cặn và tái sử dụng để cho công tác phối trộn vữa, bê tông, rửa máy móc, thiết bị,... không thải bỏ. Phần cặn lắng phát sinh không nhiều và định kỳ 01 tuần/lần, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến thu gom và thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời được bố trí để thoát nước không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của các khu vực bên ngoài dự án.

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

+ Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước thải.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (như: đất, cát, xi măng, đá...) được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất.

- Đưa ra lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Thực hiện phun nước tưới ẩm để dập bụi với tần suất tùy thuộc vào giai đoạn thi công xây dựng như sau:

+ Từ hoạt động đào đắp: San lấp mặt bằng theo đúng chỉ giới; phun tưới ẩm đất đắp với những ngày thời tiết nắng, khô hanh trong quá trình lu nền nền đường với tần suất 2 lần/ngày và có thể tăng lên 4 - 6 lần/ngày trong khu vực tập trung đông dân cư hoặc trong những ngày hanh khô, có gió và tình hình phát sinh bụi.

+ Từ quá trình vận chuyển: Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển khoảng khoảng 2 lần/ngày trong phạm vi bán kính 1km từ tuyến đường dự án và tăng tần suất lên 4 - 6 lần/ngày trong những ngày hanh khô và tình hình phát sinh bụi.

+ Từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu: Thực hiện phun nước tưới ẩm tại khu vực bốc dỡ, tập kết và khu vực xung quanh để hạn chế bụi phát sinh.

+ Từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm: Thực hiện phun nước tưới ẩm với tần suất khoảng 4 - 6 lần/ngày, đặc biệt là vào những ngày thời tiết khô hanh.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (như: găng tay, nón bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập phương án tổ chức thi công; đồng thời tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Yêu cầu về chất lượng xe vận chuyển vật liệu xây dựng, thiết bị thi công phải đáp ứng các quy định có liên quan về an toàn kỹ thuật, kiểm định theo đúng quy định, đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải và tiếng ồn.

- Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần khu vực thực hiện dự án để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản nguyên vật liệu nhằm giảm thiểu tối đa lượng bụi và các chất thải phát sinh cũng như giảm nguy cơ xảy ra các sự cố.

- Chủ dự án cam kết thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

4.1.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng để thu gom toàn bộ chất thải sinh hoạt phát sinh.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

* Chất thải rắn thi công xây dựng:

- Đối với chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật: Toàn bộ phần sinh khối có khả năng tận dụng cho các mục đích khác (như: làm củi đốt, thức ăn cho chăn nuôi,...) sẽ để cho người dân tận dụng. Phần còn lại, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với lượng đất bóc lớp thực vật bề mặt (khoảng 7.980m³) được tận dụng, sử dụng để trồng cỏ, cây tại khu vực Sân vận động Tô dân phố Tân Lập, thị trấn Cao Thượng hoặc trồng cây dọc hai bên tuyến đường. Trường hợp tận dụng đất bóc này làm vật liệu san nền tại dự án hoặc vận chuyển đi làm vật liệu xây dựng, san nền các dự án, công trình xây dựng khác, Chủ dự án/nhà thầu thi công phải thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi tiến hành thi công trên thực địa.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công: Khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 30-50 kg/ngày, với thành phần chủ yếu là gỗ vụn, sắt thép, đầu mẫu ống nhựa,... được thu gom và bán cho đơn vị có đủ chức năng tái chế, tái sử dụng, ngoài ra Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị nhà thầu thi công hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý đối với các loại không thể tận dụng lại như gạch, bê tông, đất đá,...

4.1.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Hạn chế việc sửa chữa máy móc, xe cộ tại công trường (chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố).

- Trang bị thùng phuy loại 100-200 lít để chứa chất thải nguy hại. Mỗi loại chất thải phát sinh được thu gom đựng vào một thùng chứa riêng. Các thùng phuy được dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại đặt tại khu vực lưu giữ tạm thời (container dung tích 06 m³) để lưu giữ chất thải nguy hại.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại định kỳ hoặc cả quá trình thi công theo quy định (tần suất khoảng 06 tháng/lần).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Khuyến khích nhà thầu thi công sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp. Để giảm bớt tiếng ồn và rung động cần phải có kế hoạch thi công hợp lý.

- Công nhân thi công trên công trường được trang bị bảo hộ lao động hạn chế hoặc chống ồn (như: mũ bảo hiểm, chụp tai...).

- Chống rung bằng việc hạn chế số lượng thiết bị thi công, đồng thời bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

- Định kỳ kiểm tra máy móc, thiết bị để bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay thế các thiết bị đã quá thời hạn sử dụng.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình, phổ biến nội quy an toàn lao động đối với toàn bộ công nhân tham gia thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân. Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên đảm bảo hoạt động tốt.

- Thành lập đội phòng cháy, chữa cháy; xây dựng nội quy phòng cháy, chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ; trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (như: bình bột, bình CO₂,...). Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

- Dầu Diesel được bảo quản trong khu vực khô ráo, tránh mưa nắng; không xếp các thùng phi đựng nặng lên nhau tránh hiện tượng tràn đổ gây cháy nổ. Khu vực lưu trữ dầu có biển cảnh báo, cấm lửa, cấm cháy.

- Không sử dụng xe quá khổ, quá tải trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Treo biển báo hiệu, biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ tại các nút giao với tuyến đường hiện trạng có mật độ giao thông lớn.

- Phân vùng, vạch tuyến thi công hợp lý. Bố trí các tuyến mương đất thoát nước tạm để dẫn dòng khi thi công hoàn trả các tuyến kênh hiện trạng đảm bảo cung cấp nước tưới cho hoạt động canh tác nông nghiệp, thoát nước khu vực tránh hiện tượng ngập úng vào mùa mưa, thiếu nước, hạn hán vào mùa khô.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với nước mưa chảy tràn

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống thoát nước của dự án và khu vực xung quanh để đảm bảo tiêu thoát nước.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 và đơn vị vận hành dự án sẽ giám sát bể tự hoại. Khi bể tự hoại đầy, đơn vị vận hành dự án thuê đơn vị vệ sinh có chức năng đến hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sản xuất được thu hồi về trụ sở văn phòng của Công ty truyền tải điện 1 để thải bỏ, bảo trì, sửa chữa hoặc đấu thầu thanh lý.

- Định kỳ đơn vị tiếp nhận, quản lý và vận hành tuyến đường dây sẽ phối hợp với đơn vị làm công tác vệ sinh môi trường tiến hành phát quang thực vật, chặt tía cây trồng, bảo dưỡng hành lang an toàn của đường dây. Chất thải rắn phát sinh được đơn vị vệ sinh môi trường vận chuyển đi xử lý theo quy định ngay sau khi phát sinh.

- Tất cả chất thải nguy hại được lưu trữ có bao bì, thùng chứa có dán nhãn, có nắp đậy và lưu trữ tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại cách biệt. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được xây dựng trong khuôn viên trạm, với diện tích khoảng 10m² có mái che và tường chắn. Đơn vị vận hành trạm biến áp có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị chuyên môn (có giấy phép hành nghề vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại) để vận chuyển và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Công tác vận chuyển, xử lý được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần và khi có nhu cầu.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy biếp áp định kỳ để đảm bảo máy biến áp vận hành đạt chuẩn.

- Vận hành đường dây đúng tải, đúng quy định.

- Vệ sinh chuỗi sứ kết hợp kiểm tra kỹ thuật định kỳ và thay thế kịp thời các chuỗi sứ theo đúng quy định của ngành điện.

4.2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân để phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động; lắp đặt biển báo, biển cảnh báo nguy hiểm tại vị trí thi công, rào chắn tại các vị trí nguy hiểm để phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Lắp đặt hệ thống biển báo an toàn lao động, biển chỉ dẫn tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát.

- Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

- Đảm bảo phòng tránh ảnh hưởng điện từ trường:

+ Thực hiện nối đất cho các kết cấu kim loại trong hành lang tiếp địa để phòng tránh điện cảm ứng theo quy định tại Thông tư 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 (hành lang tiếp địa có bề rộng 13m tính từ mép dây dẫn ngoài cùng ra 2 phía);

+ Công tác thiết kế, xây dựng, lắp đặt đường dây tuân theo các quy chuẩn và quy phạm hiện hành;

+ Lắp đặt các biển báo an toàn tại các trụ điện để người dân biết được khoảng cách an toàn khi làm việc gần các trụ điện và đường dây điện;

+ Nghiêm cấm không cho phép xây dựng nhà ở, công trình dưới hành lang an toàn của đường dây;

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hành lang an toàn của đường dây.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

*** Giám sát không khí**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực công trường TBA 220kV Lạng Giang.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT.

*** Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại**

- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh hàng tháng, biện pháp và tần suất thu gom, công tác lưu trữ và bàn giao xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- Vị trí giám sát: công trường xây dựng.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*** Giám sát tình hình thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường**

- Nội dung giám sát: Các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động thi công xây dựng.
- Vị trí giám sát: công trường xây dựng.

5.2. Giai đoạn vận hành dự án

*** Giám sát chất thải**

- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh hàng tháng, biện pháp và tần suất thu gom, công tác lưu trữ và bàn giao xử lý.
- Vị trí giám sát: tại trạm biến áp.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*** Giám sát điện từ trường**

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (công sân phân phối; nhà điều khiển; khu vực máy biến áp).
- Tần suất: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 25:2016/BYT.
- Thực hiện theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực về an toàn điện.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 533/TTr-TNMT ngày 23/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.